

Số: 2257/STNMT-CCQLĐĐ

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2021

V/v Đề nghị đăng ký tham gia
thẩm định giá

Kính gửi:

.....

.....

Hiện nay, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021;

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở để chuẩn bị các bước liên quan đến trình tự, thủ tục mời thầu thuê đơn vị tư vấn có chức năng tư vấn xác định giá cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu quy định tại Điều 17 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Để đảm bảo công tác tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể theo kế hoạch; trong đó có nội dung xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 114 Luật đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các đơn vị tư vấn có chức năng định giá sớm có văn bản phản hồi và trong văn bản nêu cụ thể ý kiến và kèm hồ sơ năng lực của Công ty trong đó thể hiện:

- Là đơn vị tư vấn đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành, giấy chứng nhận hành nghề của đơn vị, đảm bảo đủ điều kiện tham gia về tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Hồ sơ năng lực thể hiện trình độ chuyên môn về nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm tham gia thẩm định giá các dự án (trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nếu có);

- Lựa chọn tham gia tư vấn định giá đất đối với dự án, công trình nào, đề nghị ghi rõ trong văn bản phản hồi.

- Tiến độ thực hiện, phương thức tiếp cận, đề xuất phương pháp định giá và cách thức tổ chức thực hiện, cũng như sơ bộ những hạn chế khi xác định giá đất cụ thể đối với trường hợp này.

- Về kinh phí thực hiện công tác thẩm định giá đất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất, nếu Quý Công ty đề nghị cần có thêm các khoản chi phí

khác thì đề nghị nêu rõ cơ sở tính toán, mức phí của từng khoản mục liên quan để Sở Tài nguyên và Môi trường có cơ sở đối chiếu quy định và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên cơ sở thông tin phản hồi của Quý Công ty, đơn vị được lựa chọn Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiến hành các bước tiếp theo để đảm bảo việc thực hiện thuê đơn vị tư vấn liên quan đến công tác định giá đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu và theo hợp đồng dịch vụ được ký kết sẽ gửi toàn bộ tài liệu kèm theo để đảm bảo việc triển khai thực hiện tiến hành xác định giá đất cụ thể theo các phương pháp xác định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tại Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT.

Văn bản và hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn, đề nghị gửi về địa chỉ:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;
- Địa chỉ: số 14 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Điện thoại liên hệ : 02583.561.977 - Chi cục Quản lý Đất đai - Bộ phận Giá

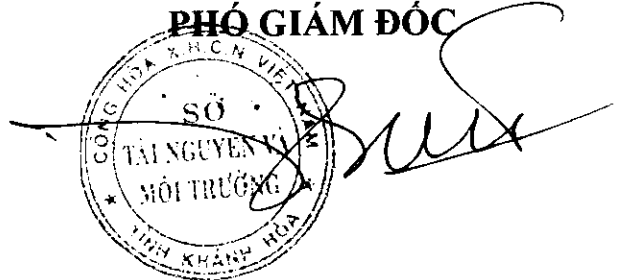
Rất mong được sự hợp tác, phản hồi sớm của quý Công ty gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường./.

(đính kèm văn bản là danh sách các dự án, công trình cần tổ chức xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên; *phần*
- UBND tỉnh (thay BC);
- Sở Tài chính (ThTrực HĐTĐGD Tỉnh);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (Thông báo);
- Đăng trên Website của Sở TNMT;
- Lưu: VT, P.KHTC, CCQLĐĐ, Gia, A.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Xuân Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 1120/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2021



Ký bởi: Ủy ban
nhân dân tỉnh
Khánh Hòa
Email:
ubnd@khanhhoa.go
v.vn
Số: 1120/QĐ-UBND
Ngày ký:
27.04.2021
10:38:57 +07:00

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 28 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 149/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021 (theo Kế hoạch định giá đất cụ thể số 1510/KH-STNMT ngày 19/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường), cụ thể:

1. Số trường hợp cần xác định giá đất cụ thể dự kiến khoảng 351 trường hợp cần xác định giá đất cụ thể, trong đó có 351 trường hợp cần thuê tư vấn xác định giá đất, gồm:

a) Có 306 trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

b) Có 43 trường hợp xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

c) Có 02 trường hợp xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Tổng kinh phí ước tính để thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể khoảng 15.767.000.000 đồng. Trong đó:

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự kiến là: 12.300.000.000 đồng/306 trường hợp;

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến là: 4.585.000.000 đồng/43 trường hợp;

- Thực hiện định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất dự kiến là: 76.010.000 đồng/02 trường hợp.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm; thị xã Ninh Hòa; thành phố Cam Ranh và thành phố Nha Trang; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VC, CN, KN, HT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

TỔNG HỢP NHU CẦU CÀN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 THEO QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT VÀ GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Quyết định giao đất, cho thuê đất	Địa điểm	Diện tích (ha)	Loại đất xác định giá	Dự toán kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.	Dự án tại số 01 Trần Hưng Đạo	135/QĐ-UBND ngày 11/01/2019	Lộc Thọ, Nha Trang	0,74	ODT	30.902.000
2	Dự án số 02 Yersin	3911/QĐ-UBND ngày 14/12/2018	Xương Huân, Nha Trang	0,99	TMD	37.826.000
3	Dự án Mở rộng khu dân cư Đất Lành (Đợt 3)	516/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	1,67	ODT+TMD	59.129.000
4	Dự án Làng Biệt thự sinh thái Giáng Hương	2225/QĐ-UBND ngày 06/8/2018; 2226/QĐ-UBND ngày 06/8/2018; 2255/QĐ-UBND ngày 08/8/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	8,92	ODT+TMD	124.607.000
5	Biệt thự sông núi Vĩnh Trung	1329/QĐ-UBND ngày 17/5/2018; 1330/QĐ-UBND ngày 17/5/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	6,81	ODT+TMD	106.050.000
6	Khu đô thị Phúc Khánh 2	1695/QĐ-UBND ngày 14/6/2016; 2035/QĐ-UBND ngày 17/7/2017	Diên An, Diên Khánh và Vĩnh Trung, Nha Trang	6,13	ODT+TMD	117.624.000
7	Tổ hợp Khách sạn và Resort cao cấp	2823/QĐ-UBND ngày 07/10/2015	Cam Hải Đông huyện Cam Lâm	10,14	TMD	65.530.000
8	Khu Resort và Khách sạn Đỉnh Vàng Nha Trang	227/QĐ-UBND ngày 27/01/2015, 3022/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, 3928/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	Cam Hải Đông huyện Cam Lâm	10,23	TMD	65.837.000
9	Dự án The Arena	2327/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	Cam Nghĩa, Cam Ranh	29,29	SKC, TMD	86.606.000
10	Xưởng Chế biến Thủy sản- Công ty F17	1313/QĐ-UBND ngày 07/5/2019	Vĩnh Hòa, Nha Trang	15,62	SKC, TMD	117.409.000
11	Khu đô thị Thanh Phong	879/QĐ-UBND ngày 4/4/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	7,73	ONT+TMD	150.000.000
12	Khu Biệt thự Đồi Xanh	2581/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	Vĩnh Ngọc, Nha Trang	3,32	TMD	40.307.000
13	Dự án Tropicara Resort	396/QĐ-UBND ngày 29/11/2018	Cam Hải Đông, Cam Lâm	19,50	TMD	74.265.000
14	Dự án khu đô thị Hưng Thịnh	3049/QĐ-UBND, 3051/QĐ-UBND, 3052/QĐ-UBND, 3053/QĐ-UBND, 3054/QĐ-UBND, 3055/QĐ-UBND, 3050/QĐ-UBND ngày 12/10/2018; 265/QĐ-UBND, 264/QĐ-UBND ngày 24/01/2019	Cam Hải Đông, Cam Lâm		ONT+TMD	153.030.000
15	Dự án khu du lịch sinh thái Prime Cam Lâm	3537/QĐ-UBND ngày 23/11/2017	Cam Hải Đông, Cam Lâm	7,78	TMD	60.014.000

16	Dự án Ana Mandara	127/QĐ-UBND ngày 16/01/2020	Cam Hải Đông, Cam Lâm	3,11	TMD	83.226.000
17	Dự án Điện mặt trời miền Trung	2629/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	Cam Hải Đông, Cam Lâm	41,28	DNL	93.673.000
18	Khu Đô thị Lê Hồng Phong 1 (điều chỉnh QH)	3680/QĐ-UBND ngày 29/11/2016	Phước Hải, Nha Trang	17,30	ODT+TMD	161.906.000
19	Khu đô thị VCN Phước Long (điều chỉnh QH)	3026/QĐ-UBND ngày 13/10/2017	Phước Hải, Phước Long Nha Trang	5,06	ODT+TMD	118.446.000
20	Số 4 Nguyễn Thiện Thuật	1844/QĐ-UBND ngày 12/6/2019	Lộc Thọ, Nha Trang	0,37	ODT	40.560.000
21	Khu vực 1- Khu đô thị Công viên hành chính mới tỉnh Khánh Hòa	2707/QĐ-UBND ngày 20/8/2019	Phước Đồng, Nha Trang	0,22	ODT	19.224.000
22	Dự án khu đô thị mới Phước Long (điều chỉnh QH), giao đất, cho thuê đất bổ sung	2572/QĐ-UBND ngày 08/8/2019; 2573/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	Phước Long, Nha Trang	19,50	ODT+TMD	161.331.000
23	Dự án Khu đô thị TheLotus Cam Ranh; phần bổ sung thuê đất có mặt nước ven biển	1492/QĐ-UBND ngày 20/5/2019, 2871/QĐ-UBND ngày 12/9/2019	Cam Nghĩa, Cam Ranh	794,45	ODT+TMD	449.074.000
24	Dự án Khu đô thị Lê Hồng Phong 2	2121/QĐ-UBND ngày 21/7/2016	Phước Hải, Nha Trang	51,11	ODT+TMD	236.857.500
25	Dự án Khu dân cư Côn Tân Lập	(chưa có QĐ điều chỉnh quy hoạch)	Xương Huân, Nha Trang	7,93	ODT+TMD	123.245.000
26	Dự án Trung tâm Bến du thuyền Hoàng Gia	1780/QĐ-UBND ngày 22/6/2017	Vĩnh Hòa, Nha Trang	2,79	ODT+TMD	43.588.000
27	Dự án Khu nhà ở gia đình quân đội K98-NT	3047/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 đ/c quy hoạch XD	Phước Hòa, Nha Trang	3,99	ODT+TMD	86.542.000
28	Khu đô thị Hoàng Long (điều chỉnh QH)	1222/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	Phước Long, Nha Trang	6,70	ODT+TMD	129.675.000
29	Công ty CP Hoàn Cầu Resort Vịnh Kim Cương chuyển hình thức thuê đất	thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê	Phước Đồng, Nha Trang	6,70	TMD	51.116.000
30	Công ty CP Ponaga chuyển hình thức thuê đất	thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê	Phước Đồng, Nha Trang	12,40	TMD	59.859.000
31	Trung tâm Trung tâm đô thị - dịch vụ - Tài chính - Du lịch Nha Trang	xác định giá đất BT	Lộc Thọ, Tân Lập, Phước Hòa	62,00	ODT+TMD	190.605.000
32	Giá khởi điểm các lô biệ thự Hòn Ró II	(chưa có phương án đấu giá)	Phước Đồng, Nha Trang	1,94	ODT	33.958.000
33	Giá khởi điểm đấu giá kho cảng Bình Tân - 01A Phước Long	(chưa có phương án đấu giá)	Vĩnh Nguyên, Nha Trang	3,50	ODT	42.052.000
34	Khu căn hộ dịch vụ 16 Phước Long (điều chỉnh QH)	2027/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	Phước Long, Nha Trang	1,01	ODT+TMD	43.131.000
35	Khu du lịch Mỹ Mỹ Resort (điều chỉnh QH)	1649/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	Cam Hải Đông, Cam Lâm	22,62	TMD	227.096.000
36	Công viên Bến du thuyền quốc tế	2764/QĐ-UBND ngày 01/11/2013	Vĩnh Hòa, Nha Trang	87,90	SKC	170.000.000
37	CT hỗn hợp dịch vụ TM Chung cư 89 Trần Phú	xác định lại giá đất	Vĩnh Nguyên, Nha Trang	0,25	ODT	38.000.000
38	Khu đất 25-26 Phạm Văn Đồng (điều chỉnh QH)	năm 2017 có QĐ điều chỉnh QH của tin	Vĩnh Hải, Nha Trang	0,70	ODT	44.750.000
39	Cảng Nha Trang phần thuê bổ sung	0Đ 730/0Đ-UBND ngày 26/3/2021	Vĩnh Nguyên, Nha Trang	1,90	SKC	70.000.000

40	Khu đô thị An Bình Tân đợt 1, 2, 3, 4 (điều chỉnh QĐ, QH)		Phước Long Nha Trang		ODT, TMD	350.000.000
41	Khu du lịch Hòn Một	xác định giá đất lần đầu	Nha Trang		TMD	88.000.000
42	Khu đất 25-26 Nguyễn Đình Chiểu (điều chỉnh QH)	năm 2017 có điều chỉnh QH	Vĩnh Phước Nha Trang		ODT	70.000.000
43	Khu đất 39-41 Nguyễn Thị Minh Khai (điều chỉnh QH)	xđ giá đất do đc QH tại thời điểm đc QH	Lộc Thọ Nha Trang		ODT+SKC	70.000.000
TỔNG CỘNG						4.585.050.500
				1.283,59		

Ghi chú: số liệu theo tổng hợp các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chủ trương đầu tư quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường
 Trong kỳ thực hiện định giá đất năm 2021 sẽ cập nhật, bổ sung các trường hợp dự án phát sinh cần xác định giá đất cụ thể theo quy định.

TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NHA TRANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã /Số CT	Diện tích dự án (ha)	Diện tích đưa vào KHSD đất 2020	Địa điểm (đến cấp xã, phường)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú	Chưa có QĐ giá cụ thể
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Công trình nòng cốt trong khu sơ tán, khu tập trung bí mật, thao trường huấn luyện cấp xã, phường của lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang	CQP	37,53	27,26	Vĩnh Thái, Vĩnh Trung, Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
2	Nhà bảo vệ công trình phòng thủ SH01	CQP	0,70	0,70	Phước Đồng	SXN	27.074.000		X
3	Công trình phòng thủ quân sự năm 2018	CQP	0,60	0,60	Vĩnh Hải	SXN	29.974.000		X
4	Xây dựng hệ thống đường cơ động trong khu vực phòng thủ tại Núi Sạn (Vĩnh Hải 52,48 ha, Vĩnh Phước 11,58 ha, Ngọc Hiệp 16,44 ha)	CQP	80,50	15,00	Vĩnh Hải	ODT/SXN	103.554.000		x
5	Đường vào xưởng sản xuất chế thủ, chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học công nghệ - Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga	CQP	0,07	0,07	Vĩnh Phương	SXN		đã phê duyệt giá	
6	Trụ sở làm việc mới và trung tâm huấn luyện PCCC tỉnh Khánh Hoà (phần còn lại)	CAN	7,00	0,73	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
7	Đường giao thông đi vào Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC (phần còn lại), đã thực hiện 0,10 ha.	CAN	0,30	0,20	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
8	Dự án Cơ sở hạ tầng Khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	DGD	14,84	7,39	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
9	Phân hiệu Trường Đại học Tôn Đức Thắng	DGD	8,34	8,34	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
10	Trường THPT Bắc Nha Trang	DGD	2,27	2,27	Vĩnh Lương	ONT/SXN	69.684.000		x
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang (Trường Đại học Khánh Hòa)	DGD	2,00	0,63	Vĩnh Lương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
12	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm - Hà Ra, thành phố Nha Trang	DGT	0,69	0,66	Xương Huân, Vạn Thạnh	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
13	Mở rộng lộ giới đường 28 lên 35m	DGT	1,13	1,00	Phước Long	ODT/SXN	64.221.000		x
14	Đường số 74	DGT	1,65	0,38	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
15	Nâng cấp đường Phú Đức	DGT	0,26	0,11	Vĩnh Hòa	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
16	Đường Lương Thế Vinh, LG 13m	DGT	0,31	0,31	Phước Long	ODT/SXN	51.929.000		x
17	Đường tổ 3 Trường Sơn (đoạn nối đường Võ Thị Sáu đến đường Trường Sơn)	DGT	0,15	0,15	Vĩnh Trường	ODT/SXN	47.832.000		x
18	Nâng cấp đường Nguyễn Khắc Viện	DGT	0,08	0,08	Vĩnh Hòa	ODT/SXN	47.832.000		x

19	Nâng cấp, mở rộng đường từ Chung cư Bình Phú đến mương thoát lũ (Nguyễn Chích gđ 2)	DGT	0,32	0,32	Vinh Hòa	ODT/SXN	51.929.000		x
20	Tuyến đường Vành đai 2 thành phố Nha Trang (đoạn từ cầu Bình Tân đến Quốc lộ 1C)	DGT	47,17	30,50	Nước Long, Ngọc Hiệp, Phước Hải, Vinh Hải, Vinh Hiệp, Vinh Hòa	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
21	Nút giao thông Ngọc Hội - đường 23/10	DGT	3,50	1,19	Ngọc Hiệp	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
22	Đường Nguyễn Thái Học (đoạn giữa)	DGT	0,21	0,21	Vạn Thạnh	ODT/SXN	47.832.000		x
23	Đường Lê Lợi	DGT	0,02	0,02	Xương Huân	ODT/SXN	47.832.000		x
24	Mở rộng đường 18 và 22 khu đô thị Lê Hồng Phong (lên lộ giới 35 m): Phước Hải 0,24 ha, Phước Long 0,11 ha	DGT	0,35	0,35	Phước Hải, Phước Long	ODT/SXN	51.929.000		x
25	Nút giao thông kết nối khu trung tâm tài chính thương mại (phần còn lại)	DGT	14,73	3,90	Phước Hòa, Vinh Nguyên,	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
26	Cầu Ngọc Thảo	DGT	0,16	0,16	Ngọc Hiệp, Vinh Phước	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
27	Xây dựng kè và đường dọc Sông Cái	DTL/DGT	14,00	14,00	Vạn Thắng, Ngọc Hiệp, Vinh Phước	ODT/SXN	101.369.000		x
28	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Tỉnh lộ 3	DGT	23,75	23,75	Phước Đồng	ONT/SXN	102.461.000		x
29	Đường nối dài đường Đội Cán ra đường 2/4	DGT	0,03	0,03	Vinh Hải	ODT/SXN	47.832.000		x
30	Xây dựng tuyến đường vào dự án tái hiện căn cứ Cách mạng Đồng Bò	DGT	1,48	1,48	Phước Đồng	ONT/SXN	63.128.000		x
31	Hệ thống đường giao thông xung quanh dự án Tổ hợp khách sạn và căn hộ cao cấp Oceanus	DGT	0,63	0,63	Vinh Phước	ODT/SXN	56.026.000		x
32	Điều chỉnh diện tích Làm mới đường Quốc lộ 1 đi cầu Bến Miếu - đoạn QL 1 đến Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động E23	DGT	7,20	7,20	Vinh Ngọc, Vinh Phương	ONT/SXN	86.073.000		x
33	Dự án các tuyến đường, hạ tầng kỹ thuật bến tàu du lịch và các công trình phụ trợ	DGT	2,70	2,70	Vinh Trường	ODT/SXN	86.073.000		x
34	Kè chống sạt lở Lương Hòa	DTL	1,60	1,60	Vinh Lương	ONT/SXN	63.128.000		x
35	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam Hòn Khô	DTL	0,30	0,30	Vinh Hòa	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
36	Nâng cấp, mở rộng tràn Rọc Dài	DGT	0,15	0,15	Vinh Thạnh	ONT/SXN	42.369.000		x
37	Hồ chứa nước Đắc Lộc	DTL	71,50	71,50	Vinh Phương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
38	Hệ thống thoát nước mưa và Hồ điều hòa (tổng 12,03 ha, Vinh Hải 3,65 ha, Vinh Ngọc 4,41 ha)	DTL	12,03	12,03	Vinh Hải, Vinh Ngọc	ODT/SXN	99.184.000		x

39	Kè chắn sóng từ Đình Bích Đầm đến nhà phát điện Bích Đầm	DTL	0,15	0,15	Vĩnh Nguyên	ODT/SXN	47.832.000		X
40	Đập ngăn mặn trên sông cái	DTL	3,07	3,07	Ngọc Hiệp	ODT/SXN	75.147.000		x
41	Xây dựng đường dây 220KV Nha Trang - Tháp Chàm	DNL	0,21	0,21	Vĩnh Phương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
42	Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc	DRA	3,50	3,50	Vĩnh Ngọc	ONT/SXN	75.147.000		X
43	Mở rộng hệ thống thu gom xử lý nước thải tại số khu vực nội thị thành phố Nha Trang	DRA	1,70	1,70	Vĩnh Thái	ONT/SXN	63.128.000		X
44	Nhà văn hóa tổ 18 Tây Bắc	DSH	0,03	0,03	Vĩnh Hải	ODT/SXN	47.832.000		x
45	Nhà sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,01	0,01	Phuong Sài	ODT/SXN	47.832.000		x
46	Nhà văn hóa TDP 10,11,12	DSH	0,02	0,02	Vĩnh Phước	ODT/SXN	47.832.000		x
47	Nhà văn hóa thôn Phước Thủy	DSH	0,06	0,06	Phước Đồng	ONT/SXN	47.832.000		x
48	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP 5,6 Thanh Hải	DSH	0,03	0,03	Vĩnh Hải	ONT/SXN	47.832.000		x
49	Nhà văn hoá thôn Phú Trung 1	DSH	0,14	0,14	Vĩnh Thạnh	ONT/SXN	42.369.000		x
50	Bệnh viện đa khoa thành phố Nha Trang (Khu đô thị Mỹ Gia)	DYT	3,86	3,86	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
51	Khu tái định cư Ngọc Hiệp (phần còn lại)	ODT	13,45	13,45	Ngọc Hiệp	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
52	Dự án Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái	ONT	9,70	9,70	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
53	Dự án KDC ven đê Hữu Hệ thống thoát lũ từ Cầu Phú Vinh đến Sông Tắc	ONT	14,50	14,50	Vĩnh Trung, Vĩnh Thái	ONT/SXN	95.906.000		x
54	Mở rộng nghĩa trang phía Bắc	NTD	3,10	2,08	Vĩnh Lương	ONT/SXN	69.684.000		x
55	Thu hồi các hộ bị sạt lở núi gây sập nhà tại thôn Phước Lộc	PNK	2,76	1,91	Phước Đồng	ONT/SXN	69.684.000		
56	Thu hồi các hộ bị sạt lở núi khu vực chùa Kỳ Viên	PNK	0,20	0,20	Vạn Thạnh	ODT/SXN	47.832.000		x
57	Dự án Khu đô thị mới Phúc Khánh 2 (phần còn lại)	ODT	30,10	9,03	Vĩnh Trung	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
58	Khu đô thị mới phước Long (phần còn lại)	ODT	7,00	7,00	Phước Long	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
59	Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong (giai đoạn 1)	ODT	39,53	15,00	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
60	Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong (giai đoạn 2)	ODT	50,50	15,00	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
61	Khu dân cư Phước Long - Vĩnh Trường: Phước Long 4,95 ha, Vĩnh Trường 5,7ha (năm 2018 đã thực hiện 0,11 ha)	ODT	10,65	10,54	Phước Long, Vĩnh Trường	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
62	Khu đô thị sinh thái VCN (bao gồm cả trục đường Bắc - Nam qua khu đô thị)	ODT	71,50	21,89	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
63	Dự án chỉnh trang khu vực núi Hòn Xện	ODT	5,16	5,16	Vĩnh Hòa	ODT/SXN	86.073.000		x
64	Khu đô thị An Bình Tân (Đã thực hiện 16,5 ha, còn lại 3,5 ha)	ODT	20,00	3,50	Phước Long	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
65	Khu đô thị Mỹ Gia (Phần còn lại)	ODT	7,86	5,73	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
66	Khu đô thị ven sông Tắc	ODT	32,89	12,04	Vĩnh Thái	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	

67	Dự án KĐT Lê Hồng Phong I (thu hồi bổ sung)	ODT	0,27	0,27	Phước Long	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
68	Khu đô thị Lê Hồng Phong 1	ODT	9,93	9,93	Phước Hải, Phước Long, Vĩnh Thái	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
69	Khu đô thị Lê Hồng Phong 2	ODT	13,48	13,48	Phước Hải, Vĩnh Thái	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
70	Khu đô thị Hoàng Long (phần còn lại 10 ha)	ODT	10,00	10,00	Phước Long	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
71	Bổ sung diện tích dự án Khu đô thị Hoàng Long	ODT	0,57	0,57	Phước Long	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
72	KDC Nam Vĩnh Hải (phần còn lại)	ODT	31,06	1,07	Vĩnh Hải	ODT/SXN	64.221.000		X
73	Khu tái định cư S1	ODT	3,60	3,60	Vĩnh Trường	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
74	Khu nhà ở gia đình cán bộ quân đội ACC-NT	ODT	5,61	5,61	Vĩnh Nguyên	ODT/SXN	86.073.000		x
75	Khu đô thị The Forest Hotel và Villas	ODT	62,80	10,00	Vĩnh Trường, Vĩnh Nguyên	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
76	Khu đô thị Vĩnh Trung	ODT	14,00	6,27	Vĩnh Trung	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
77	Khu phức hợp và nhà ở Phước Lợi - Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Thanh	ONT	6,00	1,27	Phước Đồng	ONT/SXN	63.128.000		X
78	Khu TDC khu du lịch suối Khoáng nóng Iresort	ONT	0,51	0,51	Vĩnh Ngọc	ONT/SXN	50.563.000		x
79	Dự án Khu biệt thự Quốc Anh	ONT	71,53	10,00	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
80	Khu nhà ở Phước Đồng	ONT	10,60	6,07	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
81	Dự án CHAMPARAMA RESORT & SPA (phần còn lại)	TMD	45,80	27,85	Vĩnh Hòa	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
82	Nhà máy sản xuất mộc Mỹ Nghệ	SKC	1,70	1,70	Vĩnh Phương	ONT/SXN	69.684.000		x
83	Nhà máy sản xuất cà phê Mê Trang của Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	SKC	3,20	3,20	Vĩnh Phương	ONT/SXN	75.147.000		X
84	Đường số 4 (Đường Phạm Văn Đồng - Granit Vina)	DGT	0,90	0,90	Vĩnh Hòa	ODT/SXN	64.221.000		x
85	Bãi đậu xe: Vị trí số 2 (Khu vực kho cảng Bình Tân)	DGT	0,16	0,16	Vĩnh Nguyên	ODT/SXN	47.832.000		x
86	Bãi đậu xe: Vị trí số 3 (Trục đường Nguyễn Tất Thành - Phước Đồng)	DGT	2,90	2,90	Phước Đồng	ODT/SXN	69.684.000		x
87	Kè Sông Tắc - Khu đô thị Ven Sông Tắc	DTL	2,20	2,20	Vĩnh Thái	ONT/SXN	69.684.000		x
88	Cải tạo, nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	DNL	0,15	0,15	Vĩnh Phương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
89	Cải tạo, nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	DNL	0,22	0,22	Vĩnh Lương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	

90	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Khánh Hòa	DNL	0,50	0,50	Các phường: Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Phước Hải và các xã: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Lương, Vĩnh Thái, Vĩnh Trung	ODT/SXN	56.026.000		x
91	Dự án cầu vượt trên QL1 tại nút giao với QL1C (phần còn lại)	DGT	0,60	0,23	Vĩnh Lương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
92	Đường Chử Đồng Tử kết hợp hệ thống thoát nước thải	DGT	1,20	1,20	Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, Vĩnh	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
93	Nâng cấp, mở rộng cầu Ké	DGT	0,22	0,22	Vĩnh Hiệp	ONT/SXN	42.369.000		X
94	Đường D30 kết nối giao thông đường Võ Nguyên Giáp với đường 23 tháng 10 (bổ sung diện tích)	DGT	2,95	2,95	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Tr	ONT/SXN	69.684.000		x
95	Trạm bơm nước mưa	DTL	0,20	0,20	Vĩnh Ngọc	ONT/SXN	42.369.000		
96	Kè KDC Hòn Ró 2	DTL	0,52	0,52	Phước Đồng	ONT/SXN	50.563.000		x
97	Dự án chỉnh trị hạ lưu Sông Tắc-Sông Quán Trường (nhánh sông Tắc từ đường Phong Châu đến Sông Tắc, xã Vĩnh Thái)	DTL	53,98	53,98	Vĩnh Thái	ONT/SXN	113.387.000		x
98	Mở rộng trường tiểu học Vĩnh Trung (nhà đa năng)	DGD	0,17	0,17	Vĩnh Trung	ONT/SXN	42.369.000		x
99	Dự án Khu đô thị mới Phúc Khánh 1	ODT	12,60	0,01	Vĩnh Trung	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
100	Khu đô thị Mipeco (Không bao gồm Trường THCS Bùi Thị Xuân)	ODT	16,00	3,90	Vĩnh Nguyên	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
101	Dự án đường 1A (thuộc dự án Khu đô thị VCN - Phước Long II)	DGT	1,77	1,77	Phước Long	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
102	Dự án Cải tạo ĐZ 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	DNL	0,20	0,20	Vĩnh Phương, Vĩnh Trung	ONT/SXN	42.369.000		x
103	Đường dây 220kV Krông Búk - Nha Trang mạch 2	DNL	1,19	1,19	Vĩnh Lương, Vĩnh Phương	ONT/SXN	58.758.000		x
104	Trạm biến áp 110kV Lương Sơn và đấu nối	DNL	0,39	0,39	Vĩnh Lương	ONT/SXN	46.466.000		x
105	Xây dựng Đường dây 500kV nhiệt điện Vân Phong - Vĩnh Tân	DNL	0,11	0,11	Vĩnh Lương	ONT/SXN	42.369.000		x
106	Khu nhà ở biệt thự Incomex Sài Gòn	ODT		13,8	Vĩnh Hòa	SXN		đã phê duyệt giá	
107	Cảng du lịch dùng chung	TMD		0,95	Vĩnh Lương	SXN	29.974.000		x
108	Phần còn lại của dự án Khu đô thị mới Khatoco-Phước Đồng	ODT		15,69	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
109	Xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái Nha Trang (Khu dân cư Cồn Tân Lập)	DGT		0,1	Xương Huân, Vạn Thanh	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	

110	Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối Khu sân bay Nha Trang (diện tích đất của Công ty Nhật Tiến)	DGT		0,0833		ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
111	Đầu tư Phát triển đảo Hòn Tre	TMD		42,56	Vĩnh Nguyên	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
112	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ khánh Hòa	SKC		0,2148	Ngọc Hiệp	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
113	Khu nhà ở Diamond Nha Trang	ONT		3,941	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
114	Khu đô thị mới Green Hill Villas	ODT		49,65	Vĩnh Hòa	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
115	Làng biệt thự Cô Tiên	ODT		5,0624	Vĩnh Hòa	ODT/SXN		đã phê duyệt giá	
116	Bãi chôn lấp Lương Hòa	DRA		5,555	Vĩnh Lương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
117	Treo dây mạch 2 đường dây 220Kv Tuy Hòa - Nha Trang (phần mở rộng đường dây)	DNL		0,1869	Vĩnh Lương, Vĩnh Phương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
118	Công viên - Bến tàu du lịch sông Lô	TDM		1,5	Phước Đồng	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
119	Khu tái định cư Hòn Ró II (Diện tích đất của bà Phạm Thị Hắc và 8 hộ mua đất bà Hắc)	ONT		0,2665	Phước Đồng	ONT/SXN	42.369.000		x
120	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang (gồm 5 hạng mục)	SKC		10,3221	Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phước	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
121	Làng biệt thự sinh thái Giáng Hương (mở rộng)	ONT		3	Vĩnh Thái	ONT/SXN	69.684.000		x
122	Mở rộng phía Tây khu dân cư Đất Lành	ONT		16,41	Vĩnh Thái	ONT/SXN	98.091.000		x
123	Trường tiểu học Vĩnh Lương	DGD		1,16	Vĩnh Lương	ONT/SXN		đã phê duyệt giá	
124	Khu vực bố trí tái định cư tại xã Vĩnh Trung và xã Vĩnh Thái	ONT		41,06	Vĩnh Trung, Vĩnh Thái	ONT/SXN	107.924.000		x
TỔNG CỘNG				1.081,70	794,38		3.916.235.000		

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2021 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Nha Trang phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa; dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND thành phố Nha Trang

**TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAM RANH**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2020(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang - Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh		8,65	8,65	Cam Phước Đông, Cam Thịnh Đông, Ba Ngòi	ODT-ONT/SXN	86.073.000	
2	Bến cập tàu Hải đội 2 (Biên phòng Khánh Hòa)		0,13	0,13	Phường Cam Linh	SXN	22.120.000	
3	Đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân (xây dựng móng cột)		0,89	0,89	Xã Cam Phước Đông	SXN	29.974.000	
4	Trạm biến áp 110kV sân bay Cam Ranh và hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối		0,61	0,61	Phường Cam Nghĩa	SXN	29.974.000	
5	Trạm biến áp 110kV trung tâm Cam Ranh và đấu nối		0,54	0,54	Phường Cam Lộc	SXN	27.557.000	
6	Tuyến đường dây 110kV Suối Dầu - Cam Ranh		0,10	0,10	Phường Cam Nghĩa	SXN	20.308.000	
7	Nhà máy điện mặt trời thôn Thịnh Sơn (10,61ha)		10,61	10,61	Xã Cam Thịnh Tây	ONT/SXN	91.535.000	
8	Khắc phục hư hỏng xi phông Hồ Suối Hành, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh.		1,20	1,20	Xã Cam Phước Đông	SXN	29.974.000	
9	Nghĩa trang thành phố Cam Ranh (Diện tích 39,16 ha)		39,16	20,93	Xã Cam Thịnh Đông	ONT/SXN	102.461.000	
10	Công viên Thống Nhất		2,46	2,46	phường Cam Linh Cam Thuận	ODT/SXN	75.147.000	
11	Đường D2 (giai đoạn 2 - từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Nguyễn Hãn)		1,15	1,15	Phường Cam Phúc Bắc	ODT/SXN	69.684.000	
12	Đường số 3 (đoạn từ Phạm Văn Đồng - Hùng Vương) giáp ranh Cam Thuận-Cam Phú		0,21	0,21	Phường Cam Phú, Cam Thuận	ODT/SXN	51.929.000	
13	Đường Nghĩa Phú (N1 - đoạn từ QL1A đến đường D1)		0,88	0,88	Phường Cam Nghĩa	ODT/SXN	60.123.000	
14	Đường Tổ Hữu (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Nguyễn Bình Khiêm)		0,65	0,65	Phường Cam Thuận	ODT/SXN	56.026.000	
15	Kè chống sạt lở Sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, phường Ba Ngòi thành phố Cam Ranh		7,62	7,62	phường Ba Ngòi	ODT/SXN		đã phê duyệt giá
16	Mầm non Cam Phúc Bắc		0,31	0,31	Phường Cam Phúc Bắc	ODT/SXN	51.929.000	
17	Khu dân cư tổ dân phố Lộc Hải		0,46	0,46	Phường Cam Lộc	ODT/SXN	51.929.000	

18	Khu DC Hòa Bình 2		4,29	4,29	Phường Cam Nghĩa	ODT/SXN		đã phê duyệt giá
19	Khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa		1,70	1,70	Phường Cam Nghĩa	ODT/SXN	69.684.000	
20	Khu tái định cư tại khu vực núi Hòn Quy (Khu tái định cư cho dự án Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng tại phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh)		4,00	4,00	Xã Cam Thịnh Đông	ONT/SXN	75.147.000	
21	Đường Nguyễn Trãi				phường Cam Linh		30.000.000	
22	Khu dân cư đường Phạm Văn Đồng		15,92	15,92	Phường Cam Phú	ODT/SXN	103.554.000	
	TỔNG CỘNG		101,54	83,31			1.135.128.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2021 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Cam Ranh phê duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2021 của UBND thành phố Cam Ranh

**TỔNG HỢP NHU CẦU CẢN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THỊ XÃ NINH HÒA**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2020(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Khu trung tâm thể thao phường Ninh Hiệp	DTT	0,88	0,02	Ninh Hiệp	SXN	20.308.000	
2	Dự án khu du lịch Dốc Lết - Phương Mai	TMD	162,30	53,96	P.Ninh Hải	ODT/SXN		đã phê duyệt giá
3	Đường vào trung tâm hành chính - chính trị xã Ninh Lộc	DGT	1,12	1,12	Ninh Lộc	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
4	Đường gom thôn Lê Cam - Tân Thủy (điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi)	DGT	1,09	0,85	Ninh Lộc	SXN	29.974.000	
5	Đường BTXM TDP Thuận Lợi (đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Dạn đến nhà ông Lê Văn Ninh)	DGT	0,19	0,19	P.Ninh Hà	SXN	47.832.000	
6	Đường BTXM TDP Mỹ Trạch (đoạn từ nhà ông Ty đến giáo đường đi gò Cỏ Chi)	DGT	0,06	0,06	P.Ninh Hà	ODT/SXN	47.832.000	
7	Đường BTXM TDP Thuận Lợi (đoạn từ nhà bà Lương Thị Béc đến nhà ông Trịnh Đình Ngọc)	DGT	0,08	0,08	P.Ninh Hà	ODT/SXN	47.832.000	
8	Đường từ nhà ông Trịnh Tiến Khoa đến Tỉnh lộ 1A(đoạn từ Tỉnh lộ 1A đến Lạch Cầu Treo)	DGT	1,06	1,06	P.Ninh Diêm	SXN	32.390.000	
9	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Tân Lâm	DTL	1,40	1,40	Ninh Thân	ONT/SXN	58.758.000	
10	Đường Sông Cạn (đoạn nối dài đến giáp đường 2-4)	DGT	1,30	1,30	P.Ninh Hiệp	ODT/SXN	69.684.000	
11	Dự án quy hoạch giao thông TĐ 16	DGT	1,35	1,35	Ninh Phú	ONT/SNX	63.128.000	
12	Đường Võ Văn Kỳ	DGT	0,08	0,08	P.Ninh Hiệp	ODT/SXN		đã phê duyệt giá
13	Sân bóng đá xã Ninh Phú (Xây dựng sân thể thao Phú Hội Nam 2)	DTT	1,62	0,75	Ninh Phú	ONT/SNX	63.128.000	
14	Nhà máy nước Ninh Trung	SKC	0,89	0,89	Ninh Trung	ONT/SNX	63128000	
15	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu CN Ninh Thủy	SKK	84,03	3,40	P Ninh Thủy	ODT/SXN		đã phê duyệt giá
16	Mở rộng trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa	DTS	0,20	0,20	P.Ninh Hiệp	SXN	22.120.000	
17	Đường C2 nối dài (Đoạn từ Trung tâm hành chính đến đường Lạc Ninh)	DGT	0,60	0,60	Ninh Thọ	ONT/SXN	50.563.000	

18	Gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - Hồ Chí Minh	DGT	0,40		Ninh Hiệp	ODT/SXN	60.123.000	
19	Trường THPT Bắc Ninh Sim	DGD	2,04	0,00	Ninh Sim	ONT/SXN	75.147.000	
20	Đường dây 220kv Krông Buk - Nha Trang	DNL	2,30	2,30	Ninh Tây, Ninh Sim, Ninh Xuân, Ninh Bình, Ninh Quang, Ninh Hưng, Ninh Lộc, Ninh Ích	ONT/SXN	75.147.000	
21	Nhà máy điện mặt trời Long Sơn	DNL	76,26	76,26	Xã Ninh Sơn	ONT/SNX	113.387.000	
22	Đường dây 550KV nhiệt điện Vân Phong - Vĩnh Tân					SNX	30.000.000	
23	Trạm biến áp 220KV Vân Phong					SNX	30.000.000	
24	Dự án xây dựng Cầu Sấu							
25	Tuyến đường dây đầu nối dự án Điện mặt trời Long Sơn	DNL	0,30	0,30	Xã Ninh Sơ, xã Ninh An	ONT/SNX	42.369.000	
TỔNG CỘNG			339,55	146,17			1.072.850.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2021 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Ninh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND thị xã Ninh Hòa.

**TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN CAM LÂM**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2020(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tuyến đường dây 110kV Suối Dầu - Cam Ranh (Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV Suối Dầu - Cam Ranh)	DNL	0,73	0,73	Cam Đức, Suối Tân, Cam Tân, Cam Hòa, Cam Hải Tây, Cam Thành Bắc	ONT/SXN	54.660.000	
2	Đường Tỉnh lộ 3	DGT	23,41	19,79	Suối Tân, Suối Cát	ONT/SXN	102.461.000	
3	Khu tái định cư Tân Xương 2	ONT	3,70	3,70	Suối Cát	ONT/SXN	75.147.000	
4	Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin)	DGT	9,60	9,60	Cam Đức	ODT/SXN	96.998.000	
5	Trạm cắt 110kV tại Nhà máy điện mặt trời Trung Sơn	DNL	0,50	0,50	Cam Thành Bắc	SXN	50.563.000	
6	Trạm biến áp 220kV Cam Ranh và đường dây 220kv đầu nối vào trạm	DNL	4,98	4,98	Cam Thành Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam An Bắc; thị trấn Cam Đức	ONT/SXN	75.147.000	
7	Cài tạo ĐZ 110KV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	DNL	0,03	0,03	Suối Cát	SXN	17.891.000	
8	Khu kinh doanh hàng quán (điều chỉnh QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 lô D1, X2)	TMD	0,97	0,97	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
9	Khu đô thị dịch vụ du lịch Resort lô D15 - Hoàn vốn BT Tuyến đường nhánh	TMD	6,15	2,88	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
10	Hoàn vốn BT đường K2 Tổ hợp dịch vụ lô D21a, D21b, T5, T11, T20, T21, D23, ab, X18a, X19 (Khu 6)	TMD	196,00	162,68	Cam Hải Đông	ONT/SXN	124.313.000	
11	Tổ hợp dịch vụ - du lịch (1 phần lô D14 - Hoàn vốn BT Hệ thống thu gom xử lý nước thải)	TMD	24,71	24,71	Cam Hải Đông	SXN	49.305.000	
12	Dự án khu nghỉ mát Hoàng Gia lô D1+X1	TMD	64,20	64,20	Cam Hải Đông	SXN		đã phê duyệt giá
13	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV1 - Khu 5 (Lô D18a; D18b; 1 phần D27; D29a; T15; T16; T17; X14; X15 - Hoàn vốn BT Hệ thống thoát nước mưa (Giai đoạn 2)	TMD	92,50	92,50	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
14	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV2 - Khu 5 (Lô D18; 1 phần lô D19 và X16 - Hoàn vốn BT Hệ thống thoát nước mưa (Giai đoạn 2)	TMD	49,20	49,20	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá

15	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV3 - Khu 5 (Lô T18; T19; 1 phần lô D19, X16; X17 - Hoàn vốn BT tuyến đường nhánh	TMD	80,10	80,10	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
16	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV4 - Khu 5 (Lô D26; D27; X13) Hoàn vốn BT tuyến đường nhánh	TMD	135,12	135,12	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
17	Đường Nguyễn Chí Thanh	DGT	3,15	3,15	Cam Đức	ODT/SXN	80.610.000	
18	Đường Nguyễn Văn Linh	DGT	2,60	2,60	Cam Đức	ODT/SXN	75.147.000	
19	Tuyến đường phía Tây bán đảo KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	DGT	62,38	56,15	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
20	Bãi đỗ xe (Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 lô D1, X1)	DGT	0,24	0,24	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
21	Đường phân ranh các dự án tại khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	DGT	22,27	21,56	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
22	Hệ thống kênh nhánh có diện tích tưới $F \leq 150$ ha, thuộc dự án hồ chứa nước Tà Rục	DTL	5,68	3,02	Cam Hiệp Nam, Cam Thành	SXN		đã phê duyệt giá
23	Đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân	DNL	21,26	21,26	Cam An Bắc; Cam Phước Tây; Cam Tân; Sơn Tân; Suối Cát; Suối Tân	SXN	102.461.000	
24	Khu dân cư và tái định cư khu N4	ONT	34,00	34,00	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
25	Nhà nghỉ Bộ công an (Lô D2)	ONT	9,70	9,70	Cam Hải Đông	SXN	44.472.000	
26	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	DRA	4,82	0,92	Cam Hải Đông	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
27	Xây dựng dây cây xanh và phục vụ mục đích công cộng	DKV	0,42	0,42	Cam Hải Đông	SXN		đã phê duyệt giá
28	Hạ tầng kỹ thuật nước khoáng Suối Dầu (Thuộc Quy hoạch khu công nghiệp Suối Dầu)	SKK	14,80	14,80	Suối Tân	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
29	Cụm công nghiệp Tráng É		39,31	39,31	Suối Cát; Suối Tân	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
30	Đường vào mộ bác sĩ Yersin	DGT	3,66	3,66	Suối Cát	ONT/SXN	75.147.000	
31	Nhà máy điện mặt trời Trung Sơn	DNL	40,00	27,17	Cam An Bắc	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
32	Đường dây điện 110 kv nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm	DNL	0,10	0,10	Cam An Bắc	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
33	Nhà máy điện mặt trời điện lực miền Trung	DNL	75,00	24,54	Cam An Bắc, Cam An Nam	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
34	Tuyến đường dây 110KV đầu nối nhà máy điện mặt trời Trung Sơn	DNL	0,70		Cam An Bắc, Cam An Nam, Cam Thành Bắc	SXN	63.128.000	
35	Dự án đầu nối 110kV sau TBA 220kV Cam Ranh	DNL	0,08	0,08	Cam Thành Bắc	SXN	17.891.000	

36	Bệnh viện điều dưỡng Việt Khánh	DYT	86,25	86,25	Cam Hòa	ONT/SXN	118.850.000	
37	Công viên văn hóa Bãi Dài X20, Cty cổ phần Đất Mới	DKV	50,00	50,00	Cam Hải Đông	SXN		đã phê duyệt giá
38	Đường dây điện 110 kV đấu nối thuộc Dự án Nhà máy điện mặt trời (Điện lực Miền Trung)	DNL	0,12	0,12	Cam An Bắc; Cam An Nam	SXN		đã phê duyệt giá
39	Hệ thống kênh nhánh có diện tích tưới F>150 ha, thuộc dự án hồ chứa nước Tà Rục	DTL	14,62	5,17	Cam An Nam, Cam Hiệp Nam, Cam Thành Bắc	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
40	Khu tái định cư Suối Lau 2	ONT	3,04	3,04	Suối Cát	ONT/SXN	75.147.000	
41	Khu tái định cư Bãi Giếng 1	ODT	0,98	0,98	Cam Đức	ONT/SXN	58.758.000	
42	Khu Tái định cư Cừ Lợi 2	ONT	0,02		Cam Hòa	ONT/SXN	46.466.000	
43	Khu Tái định cư 3/2	ONT	0,26		Cam Phước Tây	ONT/SXN	50.563.000	
44	Khu Tái định cư bãi Giếng 1 (đối diện sân Nguyễn Khanh)	ONT	0,15		Cam Đức	ONT/SXN	42.369.000	
45	Khu Tái định cư Bãi Giếng Trung	ONT	0,6		Cam Đức	ONT/SXN	50.563.000	
46	Cải tạo nâng cấp các CT thiết yếu đoạn Nha Trang- Sài Gòn tuyến đường sắt HN-HCM	ONT	0,32		xã Suối Cát	ONT/SXN	50.563.000	
47	Khu Tái định cư N3, N4	ONT	2,00		Cam Hải Đông	ONT/SXN	75.147.000	
48	Khu Tái định cư thôn Đồng Cau (bộ đội 108)	ONT	0,55		Suối Tân	ONT/SXN	50.563.000	
	TỔNG CỘNG		1.190,97	1.059,92			1.724.330.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2021 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cam Lâm phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2021 của UBND huyện Cam Lâm

TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN VẠN NINH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2020(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kè, đường từ Đường Sắt đến Cầu huyện (GĐ2)	DGT	1,95	1,95	TDP1 - TT Vạn Giã	ODT/SXN	75.147.000	
2	Đường Trần Đường (Đoạn từ trường tiểu học Vạn Giã 3 đến đường Lê Hồng Phong đoạn 4) LG16m	DGT	0,34	0,34	TT Vạn Giã	ODT/SXN	51.929.000	
3	Đường Hà Huy Tập (Đoạn từ chợ đến Lê Hồng Phong đoạn 4) LG 16m	DGT	0,48	0,48	Thị trấn Vạn Giã	ODT/SXN	51.929.000	
4	Thu hồi bổ sung xây dựng kè bờ biển xã Đại Lãnh (Giai đoạn còn lại)	DTL	0,06	0,06	Xã Đại Lãnh	ONT/SXN	42.369.000	
5	Nhà máy điện năng lượng mặt trời KN Vạn Ninh	DNL	120,00	120,00	Vạn Hưng	SXN	58.897.000	
6	TBA 110kV Vạn Ninh 2 và đầu nối	DNL	0,80	0,80	Vạn Hưng	SXN	29.974.000	
7	Trường THPT Bắc Vạn Ninh	DGD	1,99	1,99	Vạn Thọ	SXN	32.390.000	
8	Đường Lê Lợi (đoạn Hùng Vương - giáp đường ray xe lửa)	DGT	0,95		Vạn Giã	ODT/SXN	75.147.000	
9	Đường dẫn và bến cá Quảng Hội	DGT	0,30		Vạn Thắng	ONT/SXN	50.563.000	
10	Đường từ nhà ông Trần Bi đến dự án mở rộng đường Bắc - Nam xã Đại Lãnh	DGT	0,03		Đại Lãnh	ONT/SXN	42.369.000	
11	Phân lô điểm dân cư Bà Đồ	ONT	2,50		Vạn Lương	ONT/SXN	69.128.000	
12	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 1 - đợt 3)	DGT	3,50		Vạn Giã	ODT/SXN	80.610.000	
13	Khu dân cư Ruộng Bà Mênh	ONT	4,28		Vạn Thắng	ONT/SXN	86.073.000	
14	Khu dân cư Ruộng Bà Đồ						30.000.000	
15	Mở rộng trụ sở UBND xã Đại Lãnh						30.000.000	
	TỔNG CỘNG		132,90	125,62			746.525.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2021 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Vạn Ninh phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2021 của UBND huyện Vạn Ninh

**TỔNG HỢP NHU CẦU CÁN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯƠNG KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN KHÁNH VINH**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2020(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Hồ thủy lợi Sông Chò 1 (541,04ha)		541,04	540,49	Khánh Bình, Khánh Hiệp	SXN		đã phê duyệt giá
2	Trường THPT Bắc Khánh Vĩnh (giai đoạn II)		0,47	0,47	Khánh Bình	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
3	Trường THPT Tây Khánh Vĩnh		1,89	1,89	Liên Sơn	ONT/SXN	69.684.000	
4	Tuyến đường dây và trạm biến áp 35KV Khánh Vĩnh		11,06	11,06	Khánh Hiệp, Khánh Nam, Khánh Trung, Sông Cầu và TT	SXN	44.472.000	
5	Đường Huỳnh Thúc Kháng		0,44	0,44	TT Khánh Vĩnh	ODT/SXN	51.929.000	
6	Hệ thống cấp nước các xã Cánh Bắc: Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp		0,42	0,42	Các xã	SXN	46.466.000	
7	Trường mẫu giáo Hoa Phượng		0,40	0,40	Khánh Hiệp	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
8	Trường mẫu giáo Hoa Hồng		0,30	0,30	Khánh Thành	ONT/SXN	46.466.000	
9	Trường tiểu học Khánh Bình 2		0,20	0,20	Khánh Bình	ONT/SXN	42.369.000	
10	Trường mẫu giáo Sen Hồng (điểm Diên Thủy)		0,06	0,06	Xã Khánh Đông	SXN	17.891.000	
11	Các trục đường giao thông chính khu đô thị mới thị trấn Khánh Vĩnh (giai đoạn 1)		6,02	6,02	TT Khánh Vĩnh	ODT/SXN		đã phê duyệt giá
12	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Khánh Trung		0,12	0,12	Khánh Trung	SXN	19.704.000	
13	Trường mẫu giáo Hương Sen		0,45	0,45	Giang Ly	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
14	Trường tiểu học Giang Ly		0,41	0,41	Giang Ly	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
15	Công trình đường dây 110Kv đấu nối Nhà máy thủy điện Sông Giang 1&2 vào lưới điện Quốc gia		0,21	0,21	Các xã	SXN	19.704.000	
16	Tu Viện Tánh Minh giai đoạn II (14,24 ha)		9,28	9,28	Khánh Phú, Sông Cầu	ONT/SXN	91.535.000	
17	Trang trại dược liệu Liên Sơn		82,65	82,65	Khánh Hiệp	ONT/SXN	118.850.000	
18	Trồng bưởi da xanh và cây công nghiệp có múi theo hướng bền		31,00	31,00	Khánh Đông	ONT/SXN	107.924.000	
19	Chăn nuôi Bò sinh sản, bò thịt công nghệ cao Thông Thuận (162,52ha)		65,73	65,73	Khánh Hiệp	ONT/SXN	113.387.000	
20	Các dự án làm đường giao thông bổ sung theo văn bản số 2591/TTr-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh						100.000.000	
	TỔNG CỘNG		752,15	751,6			790.381.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2020 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Khánh Vĩnh phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND huyện Khánh Vĩnh

**TỔNG HỢP NHU CẦU CẢN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2021 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN KHÁNH SƠN**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày /4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên công trình	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích đưa vào KHSD đất 2020	Địa điểm (thôn, xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nối tiếp đường BTXM từ đường Cao Văn Bé vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo	DGT	0,04	0,04	TT Tô Hạp	ODT/SXN	47.832.000	
2	Đường Trần Bình Trọng vào khu sản xuất cuối thôn Tả Lương	DGT	0,07	0,07	TT Tô Hạp	ODT/SXN	47.832.000	
3	Đường Đinh Tiên Hoàng	DGT	5,00	5,00	TT Tô Hạp	ODT/SXN	80.610.000	
4	Đường từ nhà ông Tuấn Phương đến rẫy ông Sét	DGT	0,18	0,18	TT Tô Hạp	ODT/SXN	47.832.000	
5	Đường D9	DGT	2,96	2,96	Xã Sơn Trung	ONT/SXN		đã phê duyệt giá
6	Đường nối tiếp BTXM từ rẫy ông Hạnh đến công bản suối Ka rô (giai đoạn 1)	DGT	0,61	0,61	Xã Sơn Trung	ONT/SXN	50.563.000	
7	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00	3,00	Xã Sơn Trung	ONT/SXN	69.684.000	
8	Đường vào khu sản xuất Hòn Dung	DGT	1,55	1,55	Xã Sơn Hiệp	ONT/SXN	63.128.000	
9	Đường BTXM vào trục nội đồng thôn Tả Gụ	DGT	0,72	0,72	Xã Sơn Hiệp	ONT/SXN	54.660.000	
10	Đường từ nhà ông Mạnh đến đất ông Sinh	DGT	0,80	0,80	Xã Sơn Hiệp	ONT/SXN	54.660.000	
11	Xây dựng thác Tả Gụ	TMD	4,00	4,00	Xã Sơn Hiệp	ONT/SXN	75.147.000	
12	Đường từ đất Mầu Hồng Ngạnh đến đất Bo Bo Minh Xanh	DGT	0,10	0,10	Xã Sơn Bình	ONT/SXN	42.369.000	
13	Đường từ nhà ô Cao Xuân Đệ đến đồng ruộng suối Sóc	DGT	0,17	0,17	Xã Sơn Bình	ONT/SXN	42.369.000	
14	Đường từ trường Tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	0,22	Xã Sơn Bình	ONT/SXN	42.369.000	
15	Nối tiếp đường vào đồng ruộng Xóm Cò	DGT	4,00	4,00	Xã Sơn Bình	ONT/SXN	75.147.000	
16	Đường từ đất Bo Bo Dương đến ruộng Suối Sóc (Nâng cấp đường Liên Hòa xã Sơn Bình)	DGT	0,51	0,51	Xã Sơn Bình	ONT/SXN	50.563.000	
17	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất Tả Giang II	DGT	2,20	2,20	Xã Thành Sơn	ONT/SXN	69.684.000	
18	Mở đường từ tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Apa I	DGT	2,50	2,50	Xã Thành Sơn	ONT/SXN	69.684.000	
19	Nghĩa địa Ba Cùm Bắc (thôn Tha Mang)	NTD	2,00	2,00	Xã Ba Cùm Bắc	ONT/SXN	69.684.000	
20	Xây dựng nghĩa trang huyện Khánh Sơn	NTD	4,00	4,00	xã Sơn Trung	ONT/SXN	75.147.000	
21	05 dự án thu hồi đất bổ sung theo văn bản số 2591/TT-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh KH							
	TỔNG CỘNG		34,63	34,63			1.128.964.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2021 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Khánh Sơn phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND huyện Khánh Sơn